

VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA BẾN BÌNH THAN, BÃI NGUYỆT BÀN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYỄN

HÀ MẠNH KHOA*

Sau hàng loạt các động tác hòng khuất phục vua nhà Trần bị thất bại, Hốt Tất Liệt quyết tập trung lực lượng xâm lược Đại Việt.

Biết rõ Hốt Tất Liệt quyết tâm xâm chiếm nước ta bằng mọi giá và xác định cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyễn lần thứ II là vô cùng ác liệt, vì vậy, một hội nghị quân sự do các vua Trần đã được tổ chức vào tháng 11 năm 1282 để bàn phương hướng kháng chiến: "*Mùa đông, tháng 10 (11-1282), vua ngự ra Bình Than, đóng ở vụng Trần Xá, họp vương hầu bách quan, bàn kế sách công thủ và chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu*" (1). Đây là hội nghị xác định phương hướng chiến lược và tổ chức bộ máy chỉ huy chống quân xâm lược Mông - Nguyễn. Trong hội nghị này, vua Trần Nhân Tông và Thượng hoàng Trần Thánh Tông đã quyết định trao quyền tổng chỉ huy quân triều đình nhà Trần cho Trần Quốc Tuấn, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư làm Phó đô Tướng quân.

Do tính chất quan trọng của cuộc hội nghị, trải qua những biến động của tự nhiên, xã hội và thời gian nên việc xác định

những địa điểm liên quan đến vấn đề này đã là một đề tài được giới nghiên cứu Sử học quan tâm và bước đầu đã có một số kết quả đáng khích lệ. Tuy vậy, đến nay vẫn còn những điều chưa thể xác định một cách rõ ràng, cụ thể, trong đó có việc xác định bến Bình Than ngày nay thuộc địa điểm nào. Trước hết để tìm hiểu về bến Bình Than là xác định sông Bình Than.

1. Sông Bình Than thời Trần, tức sông Lục Đầu ngày nay

Sông Lục Đầu, còn gọi là sông Bình Giang hay Bình Than là tên gọi của đoạn cuối sông Thương có chiều dài hơn 10km, chỗ rộng nhất hơn 1km chảy sát qua mé tây nam đất Vạn Kiếp. Gọi là sông Lục Đầu hay Lục Đầu Giang vì đoạn sông này phía trên nhận nước của ba con sông, sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, phía dưới hợp với sông Đuống rồi đổ ra biển Đông bằng hai dòng sông lớn là sông Thái Bình và sông Kinh Thầy. Theo An Nam [Chí Nguyên] "*Sông Bình Than, có tên là Bàn Than, lại có tên là Bài Than, ở huyện Chí Linh, phát nguyên từ Xương Giang đến sông Thị Cầu hai nhánh hợp lưu, chảy qua hai núi Chí Linh, Phả Lại, quanh co mênh*

* TS. Viện Sử học

mông không rõ đâu là bờ bến, đến cửa sông Đò Mỏ thì rẽ chia làm hai nhánh và chảy vào biển" (2). Theo chú thích của Đại Việt sử ký toàn thư thì Bình Than là đoạn sông Lục Đầu chảy qua huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) (3).

Vũ Phương Đễ trong sách "Công dư tiếp kí" chép về sông Lục Đầu như sau: "Sông Lục Đầu ở huyện Chí Linh, giáp các huyện Phượng Nhãn, Yên Dũng, Quế Dương và Gia Định. Một chi từ sông Phượng Nhãn đi xuống, một chi từ sông Xương Giang đi tới, hội lại thành ngã ba sông, một chi từ sông Như Nguyệt đi xuống. Một chi từ sông Tam Giang đi lại gặp nhau ở sông Bình Than. Sông này trong sạch, nước thơm ngon người ta gọi là nước Bình Than. Các ngọn sông hội lại ở sông Triều Dương làm ra một khúc sông rất rộng lớn. ở đấy lại chia thành hai chi: Một chi chảy đến bến đò Bàn Khê rồi đi về phía Nam, một chi chảy đến vũng Trần Xá rồi đi về phía Đông. Tất cả 6 chi ấy làm thành sông Lục Đầu. Giữa sông có bãi cát gọi là bãi Đại Than. Các nhà phong thủy gọi kiểu đất "lục long tranh châu" (4).

Đại Nam nhất thống chí, triều Nguyễn ghi: "Sông Lục Đầu cách huyện Chí Linh 14 dặm về phía nam, bên tả thuộc địa phận xã Phao Sơn trong huyện, bên hữu thuộc xã Phả Lại huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh, ở chỗ giáp giới tỉnh Đông và tỉnh Bắc. Sông này một chi từ Phượng Nhãn tỉnh Bắc Ninh chảy đến, một chi từ sông Thiên Đức chảy đến, một chi từ sông Nguyệt Đức chảy đến, một chi từ sông Nhật Đức chảy đến, hợp nhau ở Bình Than. Đến xã Lý Dương, xưa gọi là vụng Lão Nhạn, thế nước mênh mông lại chia làm 2 chi, một chi từ bến đò Lâu Khê mà chảy về nam, một chi từ sông Linh Hội mà chảy về đông, ấy là sông Lục Đầu. Bãi giữa sông gọi là bãi Đại Than".

Theo Đồng Khánh dư địa chí (5), phần chép về tỉnh Hải Dương thì Bình Than là nơi cùng hội tụ của 4 con sông (Triêm Đức/Thiên Đức, Nguyệt Đức, Nhật Đức và sông ở huyện Phượng Nhãn) để rồi chia thành 2 con sông khác là Hàm Giang và sông Thủ Chân. Như thế Bình Than là khu vực xung quanh cửa Đại Than (nơi bắt đầu của sông Thái Bình và sông Kinh Thầy) và vùng đất ven cửa Đại Than (ngày nay thuộc về các xã như: xã Nhân Huệ, huyện Chí Linh; xã Hiệp Cát, Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; xã Cao Đức, huyện Gia Bình và xã Trung Khê, An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh) giữa sông có một bãi phù xa gọi là bãi Nguyệt Bàn từ trước đã có một ngôi miếu thờ tranh tượng Tam phủ.

Ngày nay, sông Bình Than trên thực địa như sau:

Sông Bình Than hay sông Lục Đầu là hợp lưu của 6 con sông cổ mà Bình Than là một làng ở hữu ngạn thuộc trung lưu của 6 con sông.

Nhánh thứ nhất từ bắc xuống là sông Lục Nam. Nhánh thứ hai cũng từ Tây Bắc xuống là sông Thương. Nhánh thứ ba là sông Cầu. Nhánh thứ tư là sông Đuống, hợp lưu với Lục Đầu tại Bình Than, thuộc xã Cao Đức, đối ngạn là bến Nhạn Loan, thuộc thôn Lý Dương, dưới thôn Cổ Châu Thượng, nay thuộc xã Cổ Thành.

Từ ngã ba, nơi hợp lưu sông Lục Nam với sông Thương, chảy về phía đông, đến đoạn chia thành hai nhánh ở hạ lưu dài khoảng 18km.

Sông Kinh Thầy bắt đầu từ đây. Sông Kinh Thầy mới có tên trên bản đồ từ đầu thế kỷ XX, trước đó là tên con sông cổ. Đoạn thượng lưu có tên là sông Lâu Khê, cách ngã ba Lâu Khê khoảng 1-2km về

phía đông, thời Trần gọi là Trần Xá Loan, tức vụng Trần Xá. Loan là vụng, Trần Xá là tên làng ở hữu ngạn, nay thuộc xã Nam Hưng, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tên sông Kinh Thầy chính là tên con sông nối tiếp nhau: Lâu Khê, Thủ Chân và Sài Giang. Sau khi Pháp xâm lược mới có tên là sông Kinh Thầy.

Nhánh thứ hai chảy về sông Thương, Hàm Giang, gọi là sông Hàm Giang, tức thượng lưu sông Thái Bình ngày nay.

Sông Lục Đầu là nguồn cung cấp nước cho đồng ruộng, nguồn thủy sản tự nhiên vô cùng phong phú cho vùng Đông Bắc đồng bằng Bắc Bộ. Sông Lục Đầu có vai trò quan trọng về giao thông, phục vụ cho việc giao thương kinh tế, chính trị và quân sự của cả vùng Đông Bắc. Từ Vạn Kiếp theo sông Lục Nam - Minh Đức ngược dòng tới Lục Nam, qua Chũ (Bắc Giang) rồi lên biên giới Lạng Sơn; từ Lục Nam rẽ phải qua Ba Chẽ (Quảng Ninh) rồi ra biển Đông. Theo sông Thương - Nhật Đức ngược dòng lên tới Bắc Giang, Bắc Sơn, Thái Nguyên... rồi đi sâu vào các địa phương vùng núi phía Bắc. Sông Cầu - Nguyệt Đức dẫn lên Bắc Ninh, Phù Lỗ, Thái Nguyên... Từ Vạn Kiếp theo sông Đuống tới sông Hồng về Kinh đô Thăng Long, từ đây lên Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ... Từ Vạn Kiếp theo sông Kinh Thầy tới Bạch Đằng ra cửa Nam Triệu tới khu Bãi Cháy, Hạ Long; Theo sông Thái Bình xuôi dòng qua đất Hải Dương, tới Vĩnh Bảo, Kiến Thụy (Hải Phòng), Quỳnh Phụ (Thái Bình) rồi ra biển Đông.

Từ những ghi chép của sử liệu cho ta thấy sông Bình Than là ranh giới hai huyện Chí Linh của tỉnh Hải Dương và huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh ngày nay: một bên là xã Nam Hưng, huyện Chí Linh,

tỉnh Hải Dương; một bên là xã Cao Đức, huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh.

2. Bến Bình Than và bãi Nguyệt Bàn

Theo Sử liệu và những nghiên cứu gần đây cho biết vị trí 2 điểm này thuộc các tỉnh Hải Dương và tỉnh Bắc Ninh.

2.1. Thuộc Hải Dương

Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục ghi trong phần lời chua là: "*Bình Than là tên bến đò ở địa phận xã Trần Xá, huyện Chí Linh*" (6). Tức là xã Trần Xá, tổng Cao Đồi, huyện Chí Linh (7) thời Nguyễn. Ngày nay tại khu vực ven sông Kinh Thầy này vẫn còn làng Trần Xá thuộc xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Theo Nguyễn Văn Siêu, *Đại Việt địa dư toàn biên* thì Trương Phụ tướng nhà Minh xâm lược nước ta "*đã đặt trạm đường thủy ở Bình Than và sở vận chuyển Bình Than thuộc huyện Chí Linh*" (8) và vào thời Nguyễn đặt ty Tuần kiểm "*ở cửa sông Bình Than ở huyện Thanh Lâm*". Sau khi "*bỏ huyện Thanh Lâm thì ty Tuần Kiểm Bình Than thuộc về huyện Nam Sách*". Theo Nguyễn Văn Tân thì: "*Bình Than là bến đò thuộc làng Trần Xá, huyện Chí Linh (nay thuộc huyện Nam Thanh) tỉnh Hải Dương tức vào khoảng từ bến phà Bình trên đường từ thị trấn Nam Sách đi Phả Lại*" (9).

2.2. Thuộc Bắc Ninh

Sách *Đại Nam nhất thống chí* khi chép về sông Lục Đầu như sau: "*Bên tả thuộc xã Phao Sơn thuộc huyện Chí Linh; bên hữu thuộc địa phận xã Phả Lại, huyện Qué Dương tỉnh Bắc Ninh, giữa sông có bãi Đại Than*" (10).

Đồng Khánh dư địa chí, phân tỉnh Bắc Ninh ghi "*xã Đại Than thuộc tổng Vạn Tư, huyện Gia Bình*". *Địa danh nay thuộc xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh*,

bên bờ nam sông Đuống nơi đổ vào Lục Đầu Giang”.

Trong sách *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc kỳ* được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia do Viện Viễn Đông Bác cổ, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin và Cục Lưu trữ Nhà nước xuất bản năm 1999 thì các địa danh Bình Than được ghi chép như sau: “*Thôn Bình Than thuộc xã Đại Lâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh*” và duy nhất được ghi chỉ có một địa danh này trong tên làng xã Bắc kỳ thời Pháp thuộc.

Sách *Đại cương lịch sử Việt Nam*, viết: “*Bình Than là bến sông lớn trên cửa sông Đuống đổ vào sông Lục Đầu (nay thuộc xã Đại Than, Gia Lương, Bắc Ninh) gần thái ấp Vạn Kiếp của Trần Hưng Đạo, là địa điểm quân sự hiểm yếu*” (11).

Khi khảo sát thực địa ở xã Cao Đức, huyện Gia Bình thì bến Bình Than thuộc phía hữu ngạn, thuộc ngã ba sông Đuống và Lục Đầu. Trên bản đồ hiện đại cũng như vậy. Xã Cao Đức, huyện Gia Bình hiện nay có các làng Tiểu Than, Bình Than... Còn các xã trong khu vực huyện Chí Linh hoặc các xã khác thuộc huyện Gia Bình đều không có địa danh này.

Qua đó ta thấy các sử liệu có thống nhất về sông Bình Than, nhưng lại không thống nhất về vị trí cụ thể của bến Bình Than, vì một con sông thường là ranh giới của một làng, một xã, một huyện, một tỉnh và có khi là biên giới quốc gia và vì thế khi có một bến dò trên dòng sông đó thì người viết có khi ở “bên hữu” thì cho là thuộc địa phương “bên hữu” và ở “bên tả” thì cho là thuộc địa phương “bên tả”. Điều đó không có gì lạ. Nhưng có một điều không thể không quan tâm là tên bến dò hoặc dòng sông luôn gắn với địa danh mà nó chảy qua.

Về bãi Nguyệt Bàn. Nguyệt Bàn là bãi bồi lớn nổi lên giữa dòng sông Bình Than.

Đây chính là bãi Đại Than mà sử liệu đã ghi và giờ đây thuộc xã Cao Đức, huyện Gia Bình. Trên bãi bồi là đền Tam Phủ vốn được nhân dân địa phương khởi dựng từ lâu đời. Đền Tam Phủ thờ: Thiên Phủ, Địa Phủ, Thủy Phủ và còn phối thờ một số nhân thần. Ngôi đền có dấu ấn kiến trúc cổ của thời Lê và Nguyễn.

Như vậy, Bình Than không chỉ là tên một con sông mà còn là tên một bến sông và tên của một làng và cùng với bãi Đại Than ở vào thời Trần mà nay các địa danh đó đang hiện hữu là làng Tiểu Than, Bình Than... và bãi Nguyệt Bàn thuộc xã Cao Đức, huyện Gia Bình (Bắc Ninh).

3. Bến Bình Than và bãi Nguyệt Bàn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên

Với vị trí địa - chính trị, Lục Đầu giang là cửa ngõ đi - về giữa Kinh đô Thăng Long và biển Đông; là cầu nối giao thoa văn hoá của xứ Bắc, xứ Đông và Kinh đô Thăng Long..., nên trong các cuộc hành binh xâm lược của phương Bắc, chúng thường đi đường thủy vào sông Bạch Đằng rồi ngược vào sông Kinh Thầy, tập kết ở Lục Đầu Giang trước khi tấn công vào Thăng Long cùng với cánh quân bộ từ Lạng Sơn xuống. Khi bị thua, giặc cũng thường tập kết tại đây trước khi về nước. Vì thế, suốt chiều dài lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, Lục Đầu Giang luôn là điểm quyết chiến chiến lược, căn cứ quân sự chốt giữ ở phía Đông Bắc kinh đô Thăng Long. Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông Nguyên cuối thế kỷ XIII, Lục Đầu giang đã diễn những trận thủy chiến ác liệt giữa quân đội nhà Trần và quân Mông Nguyên.

Tháng 2 năm 1285, sau trận giao chiến quyết liệt với quân Nguyên ở ải Nội Bàng (Chũ, Bắc Giang), Trần Hưng Đạo lui về

Vạn Kiếp. Vạn Kiếp là nơi hội tụ của Lục Đầu Giang. Tại đây, Trần Hưng Đạo đã tập trung một binh lực rất lớn từ trước và sau đó lại điều thêm quân dân lộ Hải Đông và quân các vương hầu. Riêng các con trai của Trần Quốc Tuấn là *"Hưng Vũ Vương Nghiễn, Minh Hiến Vương Uất, Hưng Nhượng Vương Tảng, Hưng Trí Vương Hiện đốc suất 20 vạn quân các xứ Bàng Hà, Na Sám, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhân đến hội ở Vạn Kiếp, theo quyền điều khiển của Hưng Đạo Vương để chống quân Nguyên"* (12). Dựa vào địa thế vùng này, Trần Quốc Tuấn đã bố trí một phòng tuyến lớn trên sông Bình Than. Ông đã cho đóng quân ở Vạn Kiếp và một số địa điểm khác dựa vào thế núi ở tả ngạn sông Bình Than, ở hữu ngạn quân ta còn đóng ở núi Phả Lại (Quế Võ, Bắc Ninh): *"Sau khi đã tập hợp binh lực, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn định dùng tất cả lực lượng đó, dựa vào địa thế của vùng Vạn Kiếp và sông Bình Than, bố trí một phòng tuyến để ngăn chặn bước tiến của quân thù... Trần Quốc Tuấn còn đem hơn nghìn chiếc thuyền đóng cách Vạn Kiếp mười dặm"* (13). Trên sông Bình Than, thuyền chiến của quân nhà Trần tập trung dọc sông, để tiếp ứng cho các cứ điểm trên bộ. Theo ghi chép của *Nguyên sử, Cương mục và Trần đại vương bình Nguyên thực lục*: Hưng Đạo Vương đem hơn nghìn chiến thuyền bày trận *"dục thủy"* ở cách sông Vạn Kiếp mười dặm (14). Chỗ đóng quân của Quốc Tuấn là cửa Đại Than (cửa sông Đuống thông với sông Lục Đầu). Đây là một khúc sông rộng lớn và hiểm yếu, với bãi nổi lớn ở giữa ngã ba sông (bãi Đại Than). Trên bãi lau sậy mọc um tùm, giống như một "dại chiến hạm" tự nhiên, có thể bố trí quân bộ hỗ trợ cho quân thủy tác chiến trên sông. Quân thủy nhà Trần dựa vào bãi nổi Đại Than xây dựng một hệ thống phòng thủ kiên cố, có thuyền

chiến kết hợp với cọc gỗ giữa sông. Trên bờ, rào gỗ được dựng lên làm chiến lũy. Sau chiến lũy các cỗ pháo đã chuẩn bị sẵn sàng bắn vào quân giặc. Quân chốt ở đây chẳng những có thể xuôi theo sông Thái Bình hoặc Kinh Thầy để ra biển mà còn có thể chặn giặc tiến vào Thăng Long theo đường sông Đuống.

Ngày 6 tháng giêng năm Ất Dậu (11-2-1285), Ô Mã Nhi bắt đầu chia quân tấn công vào các căn cứ của quân ta ở Vạn Kiếp và núi Phả Lại. Một cuộc chiến đấu ác liệt đã xảy ra trên phòng tuyến sông Lục Đầu. Quân bộ của địch đánh vào các cứ điểm của quân ta ở hai bờ sông. Quân ta chống trả mãnh liệt. Trong khi tấn công Vạn Kiếp, tướng Nguyên là Vạn hộ Nghê Nhuận đã bỏ mạng. Thế quân giặc rất mạnh. Vua Trần đã đem các quân Thánh Dực và hơn một nghìn chiến thuyền đến tăng viện cho Trần Hưng Đạo. Cuộc chiến đấu anh dũng của quân ta kéo dài bốn ngày. Ngày 14 tháng 2 năm 1285, các tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, chiêu thảo Na Khai, trấn thủ Tôn Lâm Đức đã đem chiến thuyền giao chiến với binh thuyền của quân ta do vua Trần chỉ huy. Một cuộc chiến đấu ác liệt đã xảy ra trên sông nước Bình Than. Có thể nói, đây là một trong những trận thủy chiến lớn nhất, để tiêu hao sinh lực địch, đồng thời thể hiện chủ trương rút lui chiến lược của bộ chỉ huy tối cao. Trần Hưng Đạo nhận thấy chưa thể chặn đứng được bước tiến của giặc nên sau trận đánh ngày 14-2-1285, đã ra lệnh rút quân khỏi các địa điểm Vạn Kiếp, Phả Lại, Bình Than.

Tháng 6 năm 1285, nhằm tiêu diệt đội quân chủ lực do Thoát Hoan cầm đầu trên đường rút chạy khỏi Đại Việt, Trần Hưng Đạo quyết định chọn Vạn Kiếp - Lục Đầu làm điểm quyết chiến chiến lược. Tại đây, ông đã giao cho Phạm Ngũ Lão thống lĩnh

trên ba vạn quân chủ lực cùng quân và dân địa phương lập trận địa mai phục kéo dài khoảng 7 - 8 dặm, từ Phả Lại đến Vạn Kiếp. Dòng sông Lục Đầu, cánh đồng Vạn Kiếp biến thành nấp mủ khổng lồ chôn vùi đoàn quân xâm lược. Chiến thắng Vạn Kiếp làm cho đại quân Thoát Hoan hoảng loạn, tiền quân tan tác, hậu quân rệu rã. Thoát Hoan phải sai Lý Hằng cố gắng chỉ huy đám tàn quân này và mở đường máu chạy về phía Lạng Sơn. Vạn Kiếp đã đi vào lịch sử dân tộc như một trong những chiến công hiển hách chói lọi. "*Chiến thắng Vạn Kiếp càng chứng tỏ mưu cao mẹo giỏi, tài điều binh khiển tướng của Tiết Chế Trần Hưng Đạo. Trận đại thắng này đã hoàn thành một cách xuất sắc, đánh đại bại đoàn quân xâm lược được mệnh danh là tinh nhuệ nhất thời bấy giờ. Cùng với chiến thắng Như Nguyệt, Vĩnh Bình, nó đã góp phần quyết định vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông Nguyên lần hai*" (15).

Trong cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên năm 1288, nhận thấy vai trò quan trọng của khu vực Vạn Kiếp, tướng Mông Cổ là Thoát Hoan đã chiếm đóng vùng Vạn Kiếp - Lục Đầu, biến nơi này thành một căn cứ vững chắc rồi mới tiến quân: "*hắn đã sai Lưu Uyên đem hai vạn quân thủy bộ đánh chiếm sông Vạn Kiếp (sông Lục Đầu) và thành Linh Sơn (ở núi Chí Linh)... lại sai Trình Bằng Phi, A-Li, Lưu Giang chỉ huy hai vạn quân giữ Vạn Kiếp và làm thành trại bằng gỗ ở núi Phả Lại, núi Chí Linh để chứa lương. Như vậy là Thoát Hoan dựa vào vị trí thuận lợi của sông Lục Đầu, xây dựng các cứ điểm trên các ngọn núi dọc hai bên sông, biến vùng này thành một khu căn cứ cho cả quân bộ lẫn quân thủy*" (16).

Về phía ta, chiến lược công thủ có khác trước. ở những nơi hiểm yếu trên đường tiến quân của giặc, Trần Hưng Đạo cũng bố trí những đội quân trấn giữ, nhưng số quân không lớn, có nhiệm vụ đánh chặn để kìm chân giặc, sau đó rút lui để bảo toàn lực lượng chờ cơ hội phản công. Ngày 16 tháng 12 âm lịch, vua Trần sai Minh tự Nguyễn Thúc đem quân Dũng nghĩa Thánh dực đến giữ cửa Đại Than giúp thêm cho Hưng Đạo Vương. "*Tháng 12, ngày 16, chiếu sai minh tự Nguyễn Thúc đem quân Thánh dực dũng nghĩa đến chỗ Hưng Đạo Vương để giữ cửa Đại Than. Ngày 26, [quân ta] gặp giặc, đánh bại chúng*" (17). Ngày 18 tháng 12, Thoát Hoan đến camp Mao La, đánh nhau với Hưng Đạo Vương. Sau đó, Thoát Hoan lại đánh trại Phù Sơn (có lẽ là Phao Sơn, một vị trí hiểm yếu nằm ở tả ngạn sông Lục Đầu, gần cửa Đại Than). Đến ngày 23 tháng 12, Thoát Hoan chia quân tiến về phía Thăng Long. Ngày 26 tháng 12, Minh tự Nguyễn Thúc lấp cửa sông Đuống, đánh nhau với giặc. Một trận đánh ác liệt đã xảy ra trên sông nước Bình Than. Quân ta giành thắng lợi, nhưng vẫn tạm lánh, để cho đại quân giặc đi qua rồi trở lại hoạt động ở vùng sau lưng địch.

Sau khi đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ đã bị đánh tan ở Vân Đồn. Ô Mã Nhi buộc phải theo sông Bạch Đằng tìm đường trở về Vạn Kiếp. Thắng lợi của quân dân miền Đông bắc khiến cho Thoát Hoan càng suy yếu. Đến đầu tháng 3, Thoát Hoan buộc phải quyết định bỏ Thăng Long chuyển quân về Vạn Kiếp tổ chức phòng thủ.

Nhưng ở Vạn Kiếp, Thoát Hoan bị quân ta bao vây, tấn công mãnh liệt, nguy cơ bị tiêu diệt ngày càng tiến gần đến. Cuối cùng, Thoát Hoan quyết định chia làm hai đạo quân theo hai đường thủy bộ rút về nước.

Ngày 27 tháng 2 (30-3-1288), Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đem thủy quân theo sông Lục Đầu ra cửa Bạch Đằng để về nước. Việc quân Nguyên tháo chạy đã nằm trong dự tính của triều đình nhà Trần và Trần Quốc Tuấn. Vì thế, trên các ngã đường mà quân Nguyên có thể chạy qua, quân đội Đại Việt đã được lệnh bố trí để chờ chặn đánh địch. Dọc đường từ Vạn Kiếp qua sông Kinh Thầy, quân dân ta bố trí nhiều trận đánh tiêu hao địch. Đường thủy từ Vạn Kiếp đến Bạch Đằng chưa đầy 30km, quân Nguyên bắt đầu rút từ ngày 30-3-1288 mà đến ngày 9-4-1288 chúng mới đến Bạch Đằng. Như thế, chúng tỏ chúng

liên tục phải chống trả các cuộc tập kích của quân ta, như Nguyên sử phải thú nhận "*Giao chiến ngày này qua ngày khác*" để rồi thất bại hoàn toàn trong trận đại chiến Bạch Đằng ngày 9-4-1288.

Như vậy, trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên nửa cuối thế kỷ XIII, khu vực sông Bình Than, bến Bình Than và bãi Đại Than hay Nguyệt Bàn hiện tại là một vị trí chiến lược quan trọng đã chứng kiến những trận chiến đấu oanh liệt và góp phần không nhỏ vào thắng lợi vẻ vang của quân đội nhà Trần đánh thắng quân xâm lược Mông - Nguyên vào năm 1285 và 1288.

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 45.

(2). Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 186 - 187.

(3). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.2, sđd, tr. 45.

(4). Vũ Phương Đé: *Công dư tiếp kí*, Bản dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 319.

(5). *Đồng Khánh dư địa chí*, Nxb. Thế giới 2003, tr. 105.

(6). *Khám định Việt sử Thông giám Cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 526.

(7). *Đồng Khánh dư địa chí*, Nxb. Thế giới 2003, tr. 106.

(8). Nguyễn Văn Siêu, *Đại Việt địa dư toàn biên*, Viện Sử học & Nxb. Văn Hoá, Hà Nội, 1997, tr. 59.

(9). Nguyễn Văn Tân, *Từ điển Địa danh Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hoá Thông tin xuất bản năm 1998, tr. 134.

(10). *Đại Nam nhất thống chí*. T.3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 465, 466.

(11). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, tr. 224, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1997, tr. 224.

(12). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.2, sđd, tr. 49.

(13). Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, sđd, tr. 188.

(14). Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, sđd, tr. 188.

(15). Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *20 trận đánh trong lịch sử dân tộc*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 158, 159.

(16). Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, sđd, tr. 292, 293.

(17). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.2, sđd, tr. 58.